



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2019

**HÌNH THỨC, NỘI DUNG THI VÀ GỢI Ý TÀI LIỆU THAM KHẢO
KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC VIỆN KHOA HỌC PHÁP LÝ NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 265.../TB-KHPL ngày 26/7/2019)

A. MÔN KIẾN THỨC CHUNG

Áp dụng chung cho các vị trí thi tuyển.

1. Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên giấy (thời gian 60 phút)

2. Nội dung thi:

* *Những vấn đề chung:*

- Chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, hoàn thiện bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách tư pháp, xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

* *Một số vấn đề cụ thể:*

- Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan Tư pháp từ Trung ương đến địa phương (Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công tác Tư pháp cấp xã; Hệ thống cơ quan thi hành án dân sự); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Nghĩa vụ, quyền hạn của cán bộ, viên chức; những việc cán bộ, viên chức không được làm.

- Tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch chuyên viên, ngạch nghiên cứu viên.

3. Gợi ý tài liệu tham khảo

3.1. Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về tổ chức bộ máy nhà nước, công tác cán bộ; chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam; chiến lược cải cách tư pháp.

1. Các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc;

2. Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 18 tháng 6 năm 1997 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

3. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

4. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020;

5. Kết luận số 92-KL/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020;

6. Kết luận số 01-KL/TW ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

7. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

8. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

9. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

10. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

3.2. Pháp luật về tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp, các cơ quan Tư pháp.

1. Hiến pháp năm 2013;

2. Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014;

3. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015;

4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

5. Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

6. Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

7. Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

8. Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

9. Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

10. Quyết định số 1902/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Tư pháp;

11. Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

12. Quyết định số 2042/QĐ-BTP ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học pháp lý.

3.3. Pháp luật về viên chức; tiêu chuẩn ngạch viên chức.

1. Luật Viên chức năm 2010;

2. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

3. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013;

4. Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

5. Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

6. Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

7. Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

8. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

9. Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

10. Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

11. Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;

12. Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

13. Thông tư số 17/2018/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

14. Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

15. Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

B. MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

1. Hình thức thi: Thi phỏng vấn (thời gian 30 phút)

2. Nội dung thi:

- Công tác chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý khoa học;
- Công tác chuyên môn, nghiệp vụ về tổng hợp - hành chính - tổ chức;
- Công tác chuyên môn, nghiệp vụ về nghiên cứu khoa học các lĩnh vực: nghiên cứu chiến lược xây dựng, thi hành pháp luật và quản lý Ngành; nghiên cứu pháp luật hành chính – nhà nước; nghiên cứu pháp luật hình sự; nghiên cứu pháp luật dân sự - kinh tế; nghiên cứu pháp luật quốc tế.

3. Gợi ý tài liệu tham khảo:

3.1. Quản lý khoa học

1. Luật Khoa học và công nghệ năm 2013;
2. Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;
3. Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;
4. Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;
5. Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;
6. Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

7. Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
8. Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;
9. Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;
10. Văn bản hợp nhất 03/2017/VBHN-BKHCN (Thông tư 07/2014/TT-BKHCN và Thông tư 03/2017/TT-BKHCN) ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;
11. Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";
12. Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;
13. Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;
14. Thông tư số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;
15. Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3.2. Tổng hợp - hành chính - tổ chức

1. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
2. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013);
3. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
4. Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
5. Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

6. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

7. Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

8. Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

3.3. Nghiên cứu chiến lược xây dựng, thi hành pháp luật và quản lý Ngành

1. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;

2. Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012);

3. Luật Công chứng năm 2014;

4. Luật Giám định tư pháp năm 2012;

5. Luật Trọng tài thương mại năm 2010;

6. Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

7. Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;

8. Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;

9. Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

10. Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017;

11. Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

12. Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

13. Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực;

14. Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;

15. Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;

16. Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;
17. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;
18. Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
19. Nghị quyết số 107/2015/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về thực hiện chế định thừa phát lại;
20. Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;
21. Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật;
22. Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;
23. Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;
24. Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại;
25. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;
26. Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh;
27. Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh;
28. Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.

3.4. Nghiên cứu pháp luật hành chính – nhà nước

1. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
2. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014;
3. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;
4. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
5. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;

6. Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
7. Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;
8. Luật Hộ tịch năm 2014;
9. Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013;
10. Nghị quyết số 64/2013/QH13 quy định một số điểm thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
11. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
12. Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục, pháp luật;
13. Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
14. Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định số lượng phó chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, phê chuẩn, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND;
15. Nghị định số 48/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của văn phòng HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
16. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
17. Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
18. Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;
19. Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
20. Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực;
21. Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;
22. Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở;
23. Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm

2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;

24. Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

25. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

26. Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

27. Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 8 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 – 2020;

28. Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ về Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 – 2020;

29. Nghị quyết số 39/NQ-CP, ngày 14 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ về triển khai xây dựng quy hoạch phát triển nhân lực các Bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2011 – 2020;

30. Nghị quyết số 36a/NQ-CP, ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

3.5. Nghiên cứu pháp luật hình sự

1. Bộ luật Hình sự năm 2015;
2. Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13;
3. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
4. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014;
5. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;
6. Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015;
7. Luật Thi hành án hình sự năm 2010;
8. Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015;
9. Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
10. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
11. Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012);
12. Luật Giám định tư pháp năm 2012;
13. Luật Công chứng năm 2014;

14. Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;
15. Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017;
16. Nghị quyết số 107/2015/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về thực hiện chế định thừa phát lại;
17. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam 94/2015/QH13;
18. Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng quy định tại khoản 3 điều 7 Bộ Luật hình sự 100/2015/QH13;
19. Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng điều 66 và điều 106 của Bộ luật Hình sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện;
20. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;
21. Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự;
22. Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ luật Hình sự;
23. Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 5 năm 2019 hướng dẫn áp dụng Điều 324 của Bộ luật Hình sự về tội rửa tiền;
24. Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh;
25. Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;
26. Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;
27. Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh;

28. Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;
29. Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án;
30. Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam;
31. Nghị định số 121/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam;
32. Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;
33. Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015;
34. Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự;
35. Nghị định số 37/2018/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự;
36. Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;
37. Thông tư liên tịch số 01/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC-BNNPTNT ngày 20 tháng 3 năm 2016 sửa đổi Thông tư liên tịch 05/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC-BNNPTNT hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự;
38. Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-BCA-BQP-BYT-TANDTC-VKSNDTC ngày 06 tháng 6 năm 2013 hướng dẫn tổ chức thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc;
39. Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 09 tháng 2 năm 2018 quy định phối hợp thực hiện quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 về tha tù trước thời hạn có điều kiện.

3.6. Nghiên cứu pháp luật dân sự - kinh tế

1. Bộ luật Dân sự năm 2015;
2. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính;

24. Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân;

25. Nghị quyết số 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01 tháng 07 năm 1991 có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia;

26. Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

27. Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án;

28. Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

29. Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

30. Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

31. Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

32. Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 1 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

33. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại;

34. Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

35. Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

36. Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ Logistics;

37. Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12

năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;

38. Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

39. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai;

40. Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

41. Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

42. Nghị định số 30/2019/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

3.7. Nghiên cứu pháp luật quốc tế

1. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế;

2. Luật Điều ước quốc tế năm 2016;

3. Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

4. Bộ luật Dân sự năm 2015;

5. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

6. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

7. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

8. Luật Thương trợ tư pháp năm 2007;

9. Luật Trọng tài thương mại năm 2010;

10. Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế năm 2007;

11. Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

12. Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật;

13. Nghị định số 35/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2011 về các biện pháp pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;

14. Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

15. Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 1 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

16. Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;

17. Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

C. MÔN TIN HỌC

1. Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên giấy (thời gian 30 phút)

2. Nội dung thi: Theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

D. MÔN NGOẠI NGỮ

Thí sinh đã nộp trong Hồ sơ dự tuyển Chứng chỉ ngoại ngữ nào sẽ tham gia thi ngoại ngữ đó.

I. Vị trí dự tuyển chức danh nghề nghiệp Nghiên cứu viên và chức danh nghề nghiệp Chuyên viên ở vị trí việc làm quản lý khoa học

1. Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên giấy (thời gian 30 phút)

2. Nội dung thi: Trình độ tương đương bậc 2/6 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

II. Vị trí dự tuyển chức danh nghề nghiệp Chuyên viên ở vị trí việc làm Tổng hợp – Hành chính – Tổ chức

1. Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên giấy (thời gian 30 phút)

2. Nội dung thi: Trình độ tương đương bậc 2 (A2) trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

